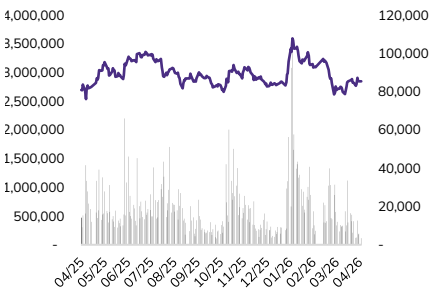


Bùi Minh Anh

 Email: anh.buiminhh@abs.vn
THÔNG TIN CƠ BẢN

Ngành : Viễn thông
 Ngày báo cáo : 17/04/2026
 Giá hiện tại (VND/CP) : 86.500
 Vốn hóa (Tỷ VND) : 9.894
 SLCPLH (CP) : 114.385.879

DIỄN BIẾN GIÁ


Nguồn: Fireant, ABS Research

CHỈ SỐ TÀI CHÍNH

Chỉ tiêu	4Q24	4Q25
Tăng trưởng DTT (%)	10.3%	14.2%
Tăng trưởng LNST (%)	5.2%	8.8%
Biên LNG (%)	7.2%	7.5%
Biên LNST (%)	4.3%	4.1%
ROA (%)	7.7%	7.8%
ROE (%)	27.9%	30.5%
Nợ vay/VCSH (lần)	0.87	1.09
EPS (VND/CP)	1,317	1,434
BVPS (VND/CP)	16,305	18,086

Nguồn: FiinPro, ABS Research

Tốc độ tăng trưởng chậm lại trong năm 2026

- KQKD Q4/2025 tăng trưởng tích cực svck.** Doanh thu thuần (DTT) của CTR đạt 4.000 tỷ đồng (+14,2% svck), LNST MI đạt 164 tỷ đồng (+8,8% svck), biên lợi nhuận gộp nhích nhẹ từ mức 7,2% lên 7,5%. Mức tăng trưởng của lợi nhuận đã cải thiện so với cùng kỳ nhờ những yếu tố như:
 - ✓ Các mảng như Xây dựng công trình, Giải pháp tích hợp và Hạ tầng cho thuê đều đóng góp cho mức tăng trưởng của doanh thu, lần lượt đạt 1.822 tỷ đồng (+33,3% svck), 549 tỷ đồng (+199,6% svck) và 225 tỷ đồng (+23,8% svck), trong đó mảng Xây lắp (chiếm 45,5% DT) ghi nhận mức tăng tốt vào quý cuối theo chu kỳ nghiệm thu khiến doanh thu nhảy vọt, phù hợp với đặc thù ngành. Tuy nhiên mảng Vận hành khai thác (VHKT) lại sụt giảm -21,1% svck về còn 1.360 tỷ đồng do thị trường đã bão hòa, các hợp đồng mới không đủ lớn để tạo đột biến doanh thu trong quý.
 - ✓ Doanh thu hoạt động tài chính tăng mạnh +151,6% lên mức 33,9 tỷ đồng do lãi tiền gửi tăng mạnh (+104% svck) trong khi đó chi phí tài chính tăng 80,9% lên mức 28,8 tỷ đồng chủ yếu do khoản chi phí lãi vay tăng 72,7%.
 - ✓ Ngoài ra, công ty phát sinh khoản thu nhập khác từ nhượng bán, thanh lý tài sản cố định là quyền sử dụng đất làm văn phòng và kho cho CTR chi nhánh tại Đà Nẵng, trị giá 15,1 tỷ đồng.
- Năm 2025, hoạt động kinh doanh chính tiếp tục tăng trưởng.** DTT của CTR đạt 13.939 tỷ đồng (+10,5% svck), LNST cổ đông công ty mẹ đạt 599,7 tỷ đồng (+11,4% svck). Biên lợi nhuận gộp gần như không thay đổi, đạt 7,04% so với mức 7,01% cùng kỳ. Chi phí QLDN tăng mạnh 46,9% svck lên mức 247,6 tỷ đồng chủ yếu do mức tăng của Q4/2025 do đặc thù chu kỳ ngành, các chi phí đều dồn về cuối năm nhằm thanh toán lương, thưởng, phúc lợi và các chi phí quản lý khác. Doanh thu HĐTC tăng 103,1% svck, đạt 99,6 tỷ đồng chủ yếu do tăng lãi tiền gửi, chi phí tài chính tăng +18,3% svck lên mức 106,6 tỷ đồng do lãi vay tăng 52,6% lên mức 92,8 tỷ đồng. Như vậy kết thúc năm 2025, CTR đã hoàn thành 100% kế hoạch doanh thu và 107% kế hoạch LNST năm 2025.
- Về cơ cấu doanh thu,** năm 2025, mức tăng trưởng tập trung chính ở 3 mảng Xây dựng công trình, Giải pháp tích hợp và Hạ tầng cho thuê, trong khi mảng cốt lõi của CTR là Vận hành khai thác (VHKT) lại chỉ duy trì quy mô cho doanh thu, ghi nhận đi ngang svck.
 - ✓ Doanh thu thuần **mảng Xây dựng** đạt 4.763 tỷ đồng (+17% svck, chiếm 34% DT), biên LN gộp giảm 1,04 điểm phần trăm về mức 5,16% do giá vốn xây dựng các hợp đồng (bao gồm chi phí vật tư và nhân công) cao tuy nhiên do được hưởng lợi từ việc mở rộng đầu tư phát triển mạng 5G cũng như gia tăng các trạm BTS dẫn đến doanh thu tăng trưởng 2 con số. Tính đến hết

năm 2025, CTR sở hữu 12.000 trạm BTS và hoàn thành lắp đặt 6.452 trạm 5G, đóng góp vào tổng số 22.400 trạm 5G của Tập đoàn Viettel.

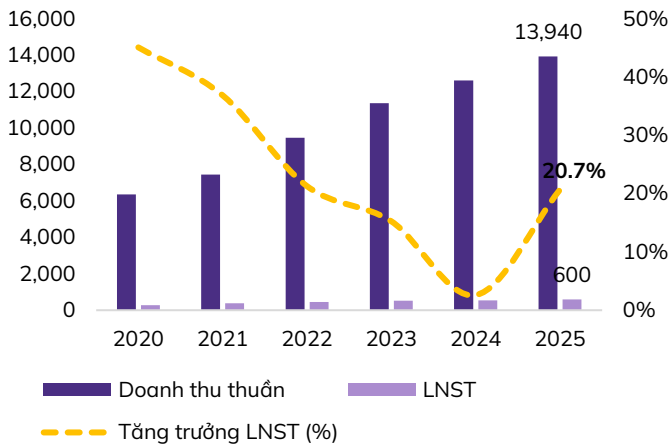
- ✓ **Mảng VHKT** (đóng góp tỷ trọng lớn nhất trong doanh thu, chiếm 44,8%), đạt 6.257 tỷ đồng (+0,03% svck), doanh thu không thay đổi nhiều tuy nhiên biên LN góp cải thiện lên mức 5,58% so với 5,33% cùng kỳ do doanh nghiệp cải thiện được giá vốn, tối ưu hóa chi phí nhân công, giúp cho lợi nhuận duy trì bền vững.
- ✓ **Mảng Hạ tầng cho thuê** có mức tăng trưởng doanh thu tốt nhất +36% svck, đạt 857 tỷ đồng (chiếm 6% DT). Biên LN góp cao nhất so với các mảng khác 28,88% tuy nhiên giảm 0,43 điểm phần trăm so với cùng kỳ. Mức giảm này là điều tất yếu do tính chu kỳ của các trạm BTS mới đưa vào hoạt động như Dự án trạm cho thuê 2023 và 2024 chưa có nhiều khách thuê, tỷ lệ lấp đầy còn thấp trong khi các dự án này đã bắt đầu ghi nhận khấu hao trong năm 2025. Doanh thu cho thuê năm 2025 tăng trưởng mạnh với tỷ trọng doanh thu đang cải thiện so với năm 2024 (chiếm 5% DT) cho thấy mảng Hạ tầng cho thuê đang trên đà tăng trưởng tốt và còn rất nhiều dư địa khi chi phí đầu tư trong tương lai duy trì thấp trong khi lượng khách thuê gia tăng.
- ✓ **Đối với mảng Giải pháp tích hợp**, doanh thu thuần đạt 2.061 tỷ đồng (+24,6% svck, chiếm 14,8% DT). Biên LN góp đạt 5,13% giảm so với mức 5,46% cùng kỳ. Các hợp đồng mới về lĩnh vực năng lượng mặt trời (NLMT) và mảng ME&ICT tiếp tục đem về doanh thu cho CTR khi xu hướng chuyển đổi sang sử dụng năng lượng sạch đang dần được chú ý. Tuy nhiên biên LNG giảm do giá vốn tăng từ việc cung cấp giải pháp (sửa chữa, vận hành), lắp đặt thiết bị, tích hợp.

KẾT QUẢ KINH DOANH CỦA CTR Q4/2025 VÀ NĂM 2025

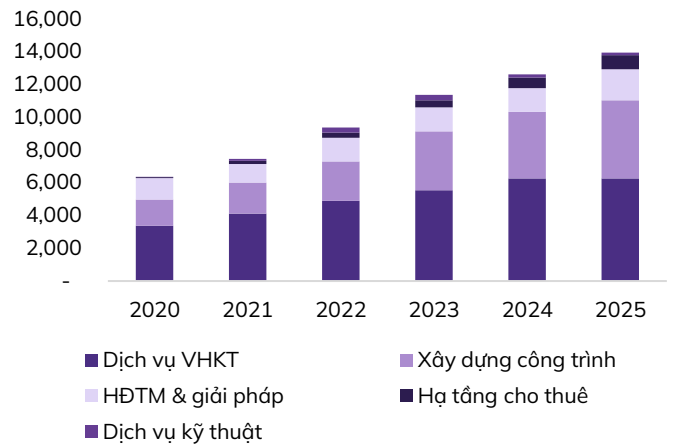
Chỉ tiêu	Q4/2024	Q4/2025	%YoY	2024	2025	%YoY
Doanh thu thuần	3.502	4.000	14,2%	12.610	13.940	10,5%
Lợi nhuận gộp	252,5	298,3	18,2%	884,2	981,7	11,0%
Biên LN gộp (%)	7,21%	7,46%		7,01%	7,04%	
Chi phí BH & QLDN	(58,7)	(119)	102,9%	(168,6)	(247,6)	46,9%
Tỷ lệ Chi phí BH & QLDN/DTT (%)	1,7%	3,0%		1,3%	1,8%	
Doanh thu tài chính	13,5	33,9	151,6%	49,1	99,6	103,1%
Chi phí tài chính	(15,9)	(28,8)	80,9%	(90,1)	(106,7)	18,3%
Chi phí lãi vay	(15,1)	(26,1)	72,7%	(60,8)	(92,8)	52,6%
Lợi nhuận thuần từ HĐKD	191,4	184,4	-3,7%	674,5	727	7,8%
Lợi nhuận trước thuế	188,1	200,1	6,3%	672,0	745,4	10,9%
LNST sau lợi ích cổ đông thiểu số	150,7	164	8,8%	538,2	599,8	11,4%
Biên LN ròng (%)	4,3%	4,1%		4,3%	4,3%	

Nguồn: FiinPro, ABS Research

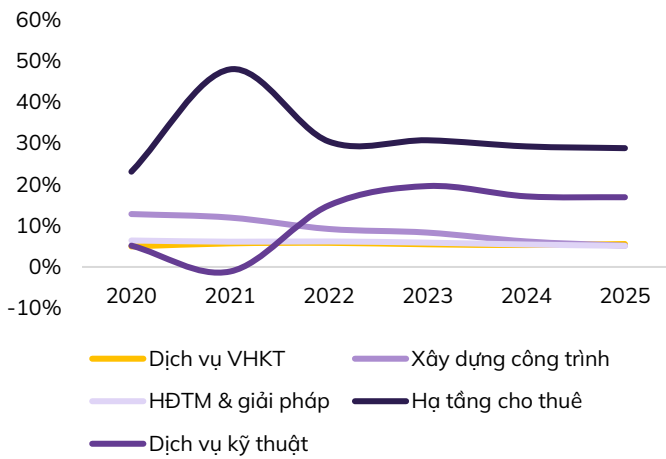
KQKD của CTR giai đoạn 2020 - 2025 (Tỷ đồng)



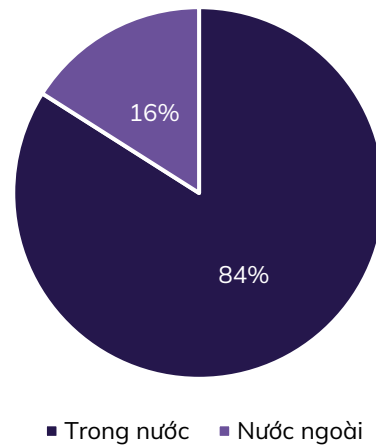
Cơ cấu doanh thu các mảng kinh doanh (Tỷ đồng)



Biên LN gộp các mảng đóng góp DT chính



Tỷ lệ doanh thu theo khu vực địa lý



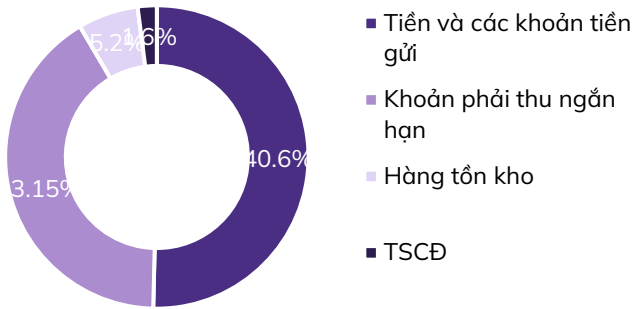
Nguồn: CTR, ABS Research

• **Lượng tiền và các khoản tiền gửi lớn, doanh nghiệp ít bị chiếm dụng vốn và nợ vay ở mức an toàn.**

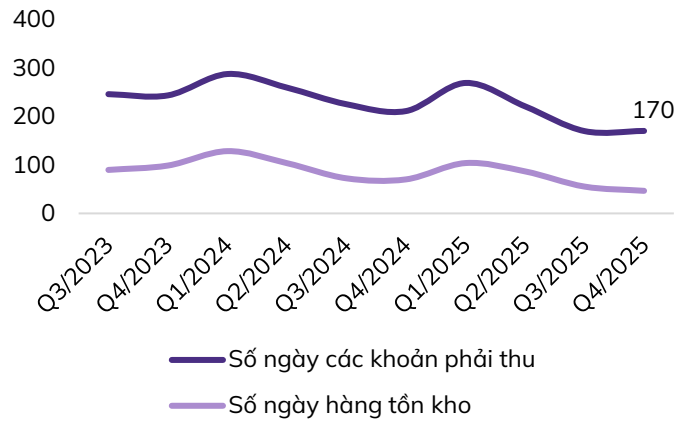
- ✓ **Tiền và các khoản tiền gửi tăng mạnh.** Tại 31/12/2025, tổng tài sản của CTR đạt 8.185 tỷ đồng (+15,2% so với đầu năm), trong đó tiền và các khoản tiền gửi tăng mạnh lên mức 3.322,7 tỷ đồng (+90,9% so với đầu kỳ, chiếm 40,6% TTS) do dòng tiền thuần từ HĐKD tăng mạnh (CFO tăng +27,6% lên mức 1.455 tỷ đồng). Bên cạnh đó, một phần dòng tiền từ các khoản vay đã giải ngân nhưng chưa được sử dụng ngay cũng góp phần làm gia tăng lượng tiền nhàn rỗi, chủ yếu được duy trì dưới dạng tiền gửi không kỳ hạn (TGKKH) (+66,4% lên 1.302 tỷ đồng).
- ✓ **Khoản phải thu ngắn hạn giảm nhẹ,** đạt 2.713 tỷ đồng (-7,6% so với đầu năm, chiếm 33,1% TTS) trong đó khoản phải thu từ phía nội bộ Tập đoàn Viettel chiếm 44% khoản phải thu khách hàng. Các khoản phải thu từ bên thứ 3 chiếm 56% ghi nhận giảm 12% so với đầu năm về mức 1.029 tỷ đồng, công ty đã trích lập dự phòng rủi ro cho khoản này là 153,8 tỷ đồng (+69,5% so với đầu năm). Số ngày các khoản phải thu cũng đang được cải thiện theo quý từ mức 211 ngày của Q4/2024 về 170 ngày.
- ✓ **Bất động sản đầu tư chiếm 16,3% TTS,** đạt 1.335 tỷ đồng, tăng 9,2% so với đầu năm chủ yếu đến từ hệ thống trạm BTS (chiếm 97%), trong năm, CTR đã đầu tư xây dựng mới trạm BTS với giá trị 363,6 tỷ đồng. Việc mở rộng quy mô trạm BTS cho thấy CTR đang đẩy mạnh mảng hạ tầng cho thuê – nguồn tạo dòng tiền ổn định và có biên lợi nhuận cao hơn so với hoạt động xây lắp truyền thống.

- ✓ **Nợ vay tăng nhằm tài trợ cho hoạt động đầu tư hạ tầng.** Tại 31/12/2025, tổng nợ vay đạt 2.262,9 tỷ đồng (+39,2% so với đầu năm, chiếm 27,6% tổng nguồn vốn), trong đó nợ vay ngắn hạn chiếm tỷ trọng lớn (78%, đạt 1.760 tỷ đồng, +67,3%). Tỷ lệ D/E là 1,09 lần (tăng so với mức 0,87 lần của năm 2024). Đòn bẩy tài chính gia tăng phản ánh giai đoạn mở rộng đầu tư mạnh vào hạ tầng BTS. Dù vậy, việc phụ thuộc nhiều vào nợ ngắn hạn có thể tạo áp lực tái cấp vốn trong ngắn hạn. Điểm tích cực là vị thế tiền ròng và dòng tiền kinh doanh ổn định giúp CTR duy trì khả năng thanh toán tốt.

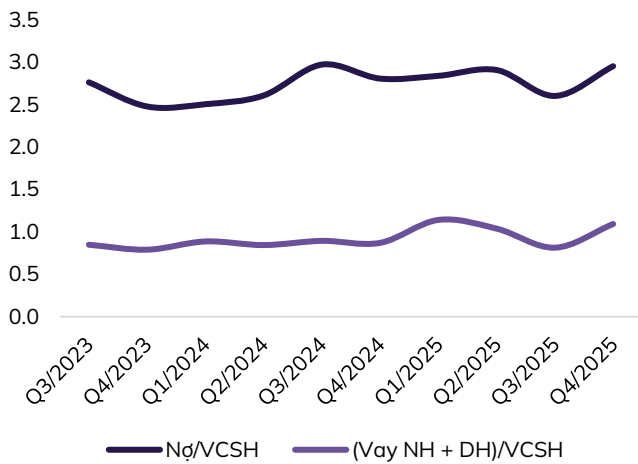
Cơ cấu tài sản của CTR tại thời điểm 31/12/2025



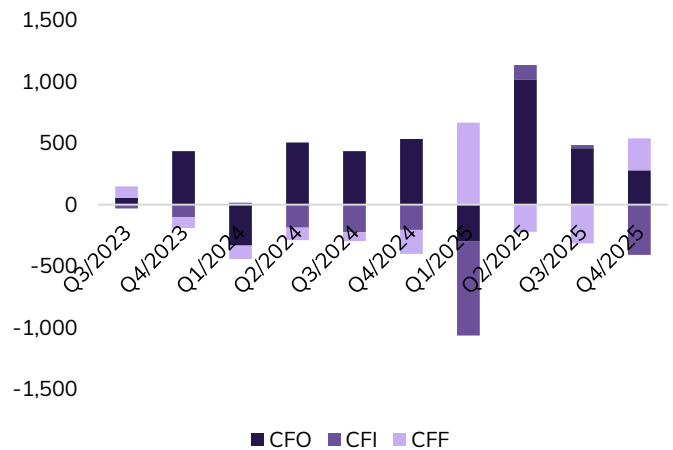
Số ngày các khoản phải thu cải thiện svck (ngày)



Nợ vay tăng trở lại (Lần)



Lưu chuyển tiền tệ (Tỷ đồng)



Nguồn: FiinPro, ABS Research

- **Triển vọng kinh doanh 2026: Tốc độ tăng trưởng chậm lại, động lực tăng trưởng đến từ Hạ tầng cho thuê và Giải pháp tích hợp (Năng lượng mặt trời).**
 - ✓ **Mảng VHKT** trong năm 2026 chỉ đóng vai trò giữ vững quy mô doanh thu cho CTR do đã bước vào giai đoạn bão hòa, sau giai đoạn bùng nổ 4G-5G trong các năm vừa qua. Doanh nghiệp tập trung cải thiện chất lượng cũng như kiểm soát chi phí nhân công, biên lợi nhuận gộp duy trì trong khoảng 5%.
 - ✓ **Mảng Xây dựng công trình** bao gồm hạ tầng (B2B), dân dụng (B2C và SME) dự kiến tiếp tục tăng trưởng trong năm 2026 nhờ (i) Khai thác các dự án Đầu tư công bên cạnh các dự án BĐS truyền thống, đặc biệt là tiếp xúc và tham gia vào các dự án xây dựng công nghiệp quy mô vừa và nhỏ. Chính phủ tiếp tục đẩy mạnh giải ngân đầu tư công và gỡ vướng pháp lý về thủ tục, giấy tờ. (ii) Kỳ vọng các nguồn việc mới tiếp tục tăng trưởng. Tuy nhiên chúng tôi lưu ý việc

chậm trễ giải quyết các thủ tục cho các dự án xây dựng hoặc giá trị hợp đồng các nguồn việc mới suy giảm có thể ảnh hưởng đến biên LN gộp của doanh nghiệp.

- ✓ **Mảng hạ tầng cho thuê** kỳ vọng động lực tăng trưởng đến từ nâng cao giá trị sử dụng của mỗi trạm BTS, gia tăng chia sẻ hạ tầng thay vì mở rộng quy mô. Giai đoạn 2022 – 2024, CTR đã mở rộng rất mạnh các trạm BTS, luôn giữ thị phần TowerCo số 1 Việt Nam với 1.500 – 2.000 trạm BTS đầu tư mới mỗi năm. Tính đến hết năm 2025, CTR đang sở hữu 12.000 trạm BTS và vẫn duy trì số trạm này tại thời điểm hết T3/2026. Điều này chứng tỏ doanh nghiệp đang dừng mở rộng quy mô mà tập trung vào giá trị sử dụng của mỗi trạm. Điều này cũng khiến tốc độ tăng trưởng doanh thu chậm lại nhưng sẽ cải thiện biên LN gộp của doanh nghiệp trong năm 2026. Chúng tôi đánh giá đây là chiến lược phát triển dài hạn của công ty khi hy sinh một phần doanh thu nhưng cải thiện biên LN. Đây cũng là mảng có mức biên LN gộp tốt nhất doanh nghiệp.
- ✓ **Đối với mảng giải pháp tích hợp:** động lực chính từ thúc đẩy NLMT khi cơ sở pháp lý dần hoàn thiện với nhiều văn bản pháp lý hỗ trợ như QH điện VIII điều chỉnh & Nghị định 58/NĐ-CP. Theo QH điện VIII điều chỉnh, đến năm 2030, tổng công suất điện gió trên bờ và gần bờ đạt 26.066 – 38.029 MW, điện gió ngoài khơi đạt 6.000 – 17.032 MW, điện mặt trời là 46.459 – 73.416 MW. Nghị định 58/2025/NĐ-CP chi tiết các quy định về phát triển NLTT và năng lượng mới, tạo cơ sở pháp lý cho điện mặt trời mái nhà theo hình thức tự tiêu tự sản, qua đó góp phần giảm bớt rào cản triển khai, đặc biệt với nhóm KH DN. Điều này góp phần mở rộng thêm nhu cầu lắp đặt NLMT của CTR trong năm 2026.

- **Dự phóng:**

- ✓ ABS Research dự phóng LNST cổ đông Công ty mẹ 2026F của CTR dự kiến là 618 tỷ đồng (+3% svck). EPS & BVPS 2026F dự kiến đạt 5.400 đ/cp & 23.471 đ/cp, tương ứng P/E và P/B lần lượt đạt 15,8x và 3,6x lần tại mức giá hiện tại. ROE 2026F là 23%.

PHỤ LỤC – MỘT SỐ CHỈ TIÊU CHÍNH CỦA CTR

Báo cáo KQ HĐKD (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
Doanh thu thuần	9,467	11,370	12,610	13,940
Giá vốn hàng bán	(8,710)	(10,469)	(11,725)	(12,958)
Lợi nhuận gộp	757	902	884	982
Doanh thu tài chính	27	97	49	100
Chi phí tài chính	(24)	(93)	(90)	(107)
Chi phí bán hàng	0	0	0	0
Chi phí QLDN	(189)	(248)	(169)	(248)
Lợi nhuận từ HĐKD	570	658	675	727
Lãi/lỗ khác	(0)	(2)	(3)	18
Lợi nhuận trước thuế	570	656	672	746
Lợi nhuận sau thuế	455	525	538	600
LNST cổ đông Công ty mẹ	455	525	538	600

Báo cáo LCTT (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
LCT thuần từ HĐKD	72	573	1,141	1,455
LCT thuần từ Hoạt động đầu tư	(1,520)	(159)	(600)	(1,031)
LCT thuần từ Hoạt động tài chính	1,194	(9)	(474)	394
LCT thuần trong kỳ	(254)	404	67	819
Tiền & tương đương tiền đầu kỳ	668	414	819	887
Tiền & tương đương tiền cuối kỳ	414	819	887	1,705

Chỉ số tài chính	2022	2023	2024	2025
Khả năng thanh toán				
Khả năng thanh toán hiện hành	1.21	1.24	1.17	1.18
Khả năng thanh toán nhanh	0.70	0.83	0.82	0.79
Khả năng thanh toán tiền mặt	0.10	0.18	0.19	0.30
Khả năng thanh toán lãi vay	24.63	7.71	11.76	7.91
Cơ cấu vốn				
Vốn chủ sở hữu/Tổng tài sản	0.27	0.29	0.26	0.25
Nợ phải trả/Tổng tài sản	0.73	0.71	0.74	0.75
Nợ vay/Vốn chủ sở hữu (D/E)	0.90	0.79	0.87	1.09

Chỉ số hiệu suất hoạt động	2022	2023	2024	2025
Số ngày phải thu	52.68	59.59	56.42	49.19
Số ngày phải trả	19.38	19.18	18.50	14.71
Số ngày tồn kho	29.88	28.74	22.38	14.90
Khả năng sinh lời				
Tỷ suất lợi nhuận gộp	8.0%	7.9%	7.0%	7.0%
Tỷ suất lợi nhuận HĐKD	6.0%	5.8%	5.3%	5.2%
Tỷ suất LNST của cổ đông Công ty mẹ	4.8%	4.6%	4.3%	4.3%
ROE	30.9%	28.9%	27.9%	30.5%
ROA	9.1%	8.0%	7.7%	7.8%
ROIC	25.8%	19.2%	21.4%	22.6%

Bảng cân đối kế toán (Tỷ đồng)	2022	2023	2024	2025
+ Tiền và các khoản tương đương tiền	414	819	887	1,705
+ Đầu tư ngắn hạn	1,222	1,000	854	1,618
+ Các khoản phải thu ngắn hạn	2,472	2,999	2,937	2,714
+ Hàng tồn kho	819	790	610	425
+ Tài sản ngắn hạn khác	84	81	134	164
Tài sản ngắn hạn	5,010	5,689	5,421	6,625
+ Các khoản phải thu dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản cố định	374	285	191	134
+ Bất động sản đầu tư	563	829	1,223	1,335
+ Tài sản dở dang dài hạn	94	153	252	80
+ Đầu tư dài hạn	0	0	0	0
+ Tài sản dài hạn khác	20	36	20	10
Tài sản dài hạn	1,050	1,302	1,685	1,560

Tổng Tài sản	6,060	6,991	7,106	8,186
+ Vay ngắn hạn	1,197	1,196	1,052	1,760
+ Phải trả người bán	519	581	608	437
+ Nợ ngắn hạn khác	2,424	2,825	2,993	3,403
Nợ ngắn hạn	4,140	4,602	4,653	5,600
+ Vay dài hạn	269	378	573	503
+ Các khoản phải trả dài hạn khác	14	15	15	16
Nợ dài hạn	283	392	588	518
Tổng nợ phải trả	4,423	4,994	5,241	6,118
+ Vốn cổ phần	1,144	1,144	1,144	1,144
+ Thặng dư vốn cổ phần	(0)	(0)	(0)	(0)
+ Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	489	822	601	654
+ Quỹ khác	0	0	0	0
Vốn chủ sở hữu	1,637	1,997	1,865	2,067
Tổng cộng nguồn vốn	6,060	6,991	7,106	8,186

Tỷ lệ tăng trưởng (%)	2022	2023	2024	2025
Tăng trưởng doanh thu	27.1%	20.1%	11.6%	10.5%
Tăng trưởng LNNT	20.9%	15.0%	4.2%	11.0%
Tăng trưởng LNST Cổ đông Công ty mẹ	31.1%	15.3%	2.6%	11.4%
Tăng trưởng EPS	17.9%	16.5%	4.3%	11.4%
Tăng trưởng VCSH	23.1%	0.0%	0.0%	0.0%
Tăng trưởng Tổng tài sản	52.9%	15.4%	2.8%	15.2%

Định giá (lần)	2022	2023	2024	2025
P/E	23.94	29.58	20.40	16.33
P/B	6.53	7.68	5.89	4.74
EV/EBITDA	15.34	17.76	11.33	9.50
EV/Sales	1.24	1.42	0.93	0.74
EPS (đồng/cp)	3,872	4,510	4,705	5,243
BVPS (đồng/cp)	14,204	17,380	16,305	18,072

Nguồn: CTR, ABS Research

Khuyến cáo

Báo cáo này được viết và phát hành bởi Trung tâm Phân tích - Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình (ABS). Thông tin trình bày trong báo cáo dựa trên các nguồn được cho là đáng tin cậy vào thời điểm công bố. Các nguồn tin này bao gồm thông tin trên sàn giao dịch chứng khoán hoặc trên thị trường nơi cổ phiếu được phân tích niêm yết, thông tin trên báo cáo được công bố của công ty, thông tin được công bố rộng rãi khác và các thông tin theo nghiên cứu của chúng tôi.

Báo cáo này chỉ nhằm mục đích cung cấp thông tin cho các nhà đầu tư của ABS tham khảo và không mang tính chất mời chào mua hay bán bất kỳ chứng khoán nào được thảo luận trong báo cáo. Các nhà đầu tư nên có các nhận định độc lập về thông tin trong báo cáo, xem xét các mục tiêu đầu tư cá nhân, tình hình tài chính và nhu cầu đầu tư của mình, tham khảo ý kiến tư vấn từ các chuyên gia về các vấn đề quy phạm pháp luật, tài chính, thuế và các khía cạnh khác trước khi tham gia vào bất kỳ giao dịch nào với cổ phiếu của (các) công ty được đề cập trong báo cáo. ABS sẽ không chịu trách nhiệm đối với bất kỳ tổn thất tài chính nào hoặc bất kỳ quyết định nào được thực hiện trên cơ sở thông tin được trình bày trong báo cáo này. Bản báo cáo này là sản phẩm thuộc sở hữu của ABS, người sử dụng không được phép sao chép, chuyển giao, sửa đổi, đăng tải lên các phương tiện truyền thông mà không có sự đồng ý bằng văn bản của ABS.

Khuyến nghị cổ phiếu

MUA	Khả năng sinh lời của cổ phiếu từ 15% trở lên
KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ 8% đến 15%
TRUNG LẬP	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -5% đến 8%
KÉM KHẢ QUAN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu nằm trong khoảng từ -15% đến -5%
BÁN	Khả năng sinh lời của cổ phiếu thấp hơn -15%

Khuyến nghị đầu tư được đưa ra dựa trên khả năng sinh lời dự kiến của cổ phiếu, được tính bằng tổng của (i) chênh lệch phần trăm giữa giá mục tiêu và giá thị trường tại thời điểm công bố báo cáo, và (ii) tỷ suất cổ tức dự kiến. Trừ khi được nêu rõ trong báo cáo, các khuyến nghị đầu tư có thời hạn đầu tư là 12 tháng.

Thông tin liên hệ

Công ty Cổ phần Chứng khoán An Bình

Trụ sở chính: Tầng 16, tòa nhà Geleximco, 36 Hoàng Cầu, Đống Đa, Hà Nội

Điện thoại: (024) 3562 4626

Website: www.abs.vn

Trung tâm Phân tích

Điện thoại: (024) 3562 4626 – Ext: 151

Email: abs-research@abs.vn

Nguyễn Thị Thùy Linh - Giám đốc TTPT

Email: linh.ngthithuy@abs.vn

Dầu khí, Điện, Hóa chất

Lê Thị Kim Huệ - Phó Giám đốc

Email: hue.lethikim@abs.vn

PTKT và Chiến lược thị trường

Đặng Xuân Lưu – Giám đốc

Email: luu.dangxuan@abs.vn

Vĩ mô, Tài chính

Nguyễn Xuân Hải - Chuyên viên

Email: hai.nguyenxuan@abs.vn

Bất động sản, Xây dựng, VLXD

Phạm Hồng Trường – Chuyên viên

Email: truong.phamhong@abs.vn

Hàng và Dịch vụ công nghiệp

Nguyễn Thị Kỳ Duyên - Chuyên viên

Email: duyen.nguyenthiky@abs.vn

Hàng xuất khẩu, Công nghệ & Viễn thông

Bùi Minh Anh - Chuyên viên

Email: anh.buiminhh@abs.vn

Hàng tiêu dùng, Bán lẻ

Kiều Thị Thanh Thư - Chuyên viên

Email: thu.kieuthithanh@abs.vn



Từ hào
**NHẬN CÚ ĐÚP
GIẢI THƯỞNG**



**BEST NEW STOCK TRADING APP
ABS INVEST - VIET NAM 2024**

ỨNG DỤNG GIAO DỊCH CỔ PHIẾU MỚI
TỐT NHẤT VIỆT NAM



**BEST SECURITIES HOUSE FOR RESEARCH
IN VIET NAM 2024**

CÔNG TY CHỨNG KHOÁN TỐT NHẤT
VIỆT NAM VỀ PHÂN TÍCH THỊ TRƯỜNG



Trải nghiệm ngay
ABS Invest tại đây